

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Ông Đàm Kiến Dân

2) Ông Trần Công Mẫn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị An Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 363/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020, về việc tranh chấp: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 4, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thành T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T và anh T xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải - Nguyên đơn Chị Trần Thị Cẩm T trình bày:**

Chị Trần Thị Cẩm T và Anh Võ Thành T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2018, tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung ở thành phố Hồ Chí Minh để đi làm. Đến giữa năm

2018, Chị T về quê để sinh con. Anh T ở lại thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục làm việc thì có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con riêng. Anh T không quan tâm đến vợ con, không phụ tiền chị T nuôi con. Từ khi chị T về quê sinh con đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không trao đổi để hàn gắn tình cảm vì tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị T xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 19/7/2018. Từ khi sinh con đến nay, Chị T là người nuôi con. Ly hôn, Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*\* Tại bản tự khai - Bị đơn Anh Võ Thành T trình bày:*

Anh T thống nhất theo trình bày của chị Thuyết về thời gian và điều kiện tiến đến hôn nhân. Từ năm 2018, khi chị T sinh con thì tình cảm vợ chồng không còn. Anh T đang chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Anh T và Chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 19/7/2018. Ly hôn, anh T đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xét thấy, tại bản tự khai của chị T và anh T, anh chị trình bày thống nhất về thời gian mâu thuẫn là từ năm 2018. Vợ chồng mâu thuẫn là khi chị T về quê sinh con. Nguyên nhân là do anh T có qua hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2018, anh chị sống ly thân nhau và không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Xét thấy, thời gian chị T và anh T sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi con. Do đó, đề nghị giao cháu Võ Ngọc Hoàng Y cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng mới là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Võ Thành T là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị Cẩm T và anh Võ Thành T có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh T.

Xét về tình cảm: Chị T và anh T trình bày thống nhất về thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn. Từ năm 2018, khi chị T về quê sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì anh T có qua hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2018, anh chị sống ly thân nhau và không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, do mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T nuôi con từ khi sinh Võ Ngọc Hoàng Y đến nay. Nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Anh T thống nhất để chị T tiếp tục nuôi con chung nên cần ghi nhận. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại pháp luật. Anh T không phải nộp án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### ***Áp dụng:***

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2013;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### ***Xử:***

#### ***1/ Về quan hệ hôn nhân:***

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T.

- Chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Thành T.

**2/ Về con chung:**

- Chị Trần Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi con tên Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 19/7/2018
- Chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu anh Võ Thành T cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3/ Về tài sản chung, nợ chung:** Không có.

**4/ Về án phí:** Chị Trần Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0019180, ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án thị xã Gò Công. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ Toạ Phiên Toà**

**Nơi nhận:**

- VKSND TX. Gò Công;
- Chi cục THA DS TX. Gò Công;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI**

***Nơi nhận:***

- VKSND TX. Gò Công;
- Chi cục THA DS TX. Gò Công;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ Toạ Phiên Toà**

**NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI**